

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 6 năm 2020

*“V/v không công nhận
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, **Quyết định hoãn phiên tòa số 01D/2019/QĐST-DS ngày 02/6/2020** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn 5, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lương Sơn H, sinh năm 1984

Trú tại: Số nhà 76 LTT, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh D trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh D chung sống với anh Lương Sơn H do tự nguyện từ ngày 23/12/ 2017 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tổ chức đám cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có quan hệ ngoại tình, gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành công dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống. Nay chị D xác định tình cảm không còn, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa

án tuyên bố không công nhận chị D và anh H là vợ chồng

Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là cháu Lương Gia K, sinh ngày 27/11/2018. Chị D có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị D xác định không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Sơn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh H cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9; 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lương Sơn H.

+ Về con chung: Giao cháu Lương Gia K, sinh ngày 27/11/2018 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thanh D có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị D với anh Lương Sơn H. Bị đơn anh Lương Sơn H hiện đang trú tại: Số nhà 76 LTT, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Lương Sơn H vắng mặt (không có lý do) nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thanh D chung sống với anh Lương Sơn H do tự nguyện từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc Chị D và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đó là vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Cuối năm 2017 anh H và chị D về chung sống với nhau như vợ chồng tại Tổ dân phố 1, thị trấn BT, huyện K nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi phát sinh mâu thuẫn từ việc cãi nhau thì anh H và chị D đã ly thân.

Việc Chị D khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa Chị D và anh H là phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH 13 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình, Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lương Sơn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lương Sơn H có 01 con chung là cháu Lương Gia K, sinh ngày 27/11/2018. chị D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Xét thấy, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu K hiện đang ở với chị D và chị D có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K hàng ngày. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu K cho chị Nguyễn Thị Thanh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp và cũng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K về điều kiện phát triển về tinh thần và thể chất của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh D xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH 13 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lương Sơn H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lương Gia K, sinh ngày 27/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Lương Sơn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh D xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh D pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp tại biên lai số 0003696 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Đôn